

# THIÊN TAI THỜI LÊ SƠ (1428-1527)

MAI THỊ HUYỀN\*

## 1. Tình hình thiên tai thời Lê Sơ

Thời Lê Sơ, diện cách đất nước trải từ ải Nam Quan đến đèo Cù Mông (ranh giới giữa Bình Định và Phú Yên ngày nay). Vị trí Đại Việt nằm ở phía Tây của Thái Bình Dương, dọc Biển Đông, khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa cùng với tác động của biển đã khiến Việt Nam luôn có lượng mưa lớn và số giờ nắng cao.

Tuy nhiên, giữa ba miền của Việt Nam khí hậu không giống nhau. Do ảnh hưởng của gió mùa, miền Bắc thường có thời tiết thất thường và khắc nghiệt, miền Trung chịu ảnh hưởng của gió Lào khô nóng, còn lại từ Đà Nẵng vào đến Phú Yên hiện nay, thời tiết lại chia làm hai mùa mưa và khô. Nếu như sông ở Bắc Bộ rộng và độ dốc không lớn, lắng đọng nhiều phù sa, thì sông ngòi miền Trung ngắn và dốc, vì thế nước lũ ở đây lên nhanh và rút cũng nhanh. Đặc biệt, sự phân bố lượng mưa giữa ba miền này cũng không đồng đều, cho nên có những nơi bị ngập lụt nặng, nhưng có nơi lại bị hạn hán.

Ghi chép về thiên tai, trước tiên là nạn lụt lội, mưa to, bão, gió lớn thời Lê Sơ trong chính sử khá cụ thể. Các sách như *Đại Việt sử ký toàn thư* (viết tắt là *ĐVSKTT*), *Khâm định Việt sử thông giám Cương mục* (viết tắt là *Cương mục*) cho biết là hiện tượng này

thường xảy ra vào các tháng 7, 8, 9 hoặc có khi sớm hơn vào tháng 4, 5 hàng năm. Tuy nhiên, thời gian xảy ra lụt lội, mưa bão thường không giống nhau và không theo chu kỳ. Ví như thời Lê Thái Tông (ở ngôi 1434-1442), đã xảy ra 2 lần mưa lớn vào năm 1437 và thủy tai ở lộ Thanh Hóa năm 1440; bão lớn vào năm 1457 thời Lê Nhân Tông (ở ngôi 1443-1459). Đặc biệt, thời Lê Thánh Tông (ở ngôi 1460-1497), thì số lần xảy ra mưa, lụt nhiều hơn. Thống kê trong chính sử, có 8 lần mưa, lụt vào các năm 1467, 1473, 1475, 1478, 1483, 1491, 1496. Tuy nhiên, đến thời Lê Hiến Tông (ở ngôi 1498-1504), thì có 2 lần lụt vào năm 1501 và 1503 và thời Lê Tương Dực (ở ngôi 1509-1516) thì nạn lụt xuất hiện 3 lần vào năm 1513, 1514 và 1515.

Mức độ thiệt hại của lụt được sử chép là: Năm Quý Dậu (1513), tháng 6, nước lũ làm vỡ đê phường Yên Hoa (1). Trận thủy tai năm 1445 khá nặng, gây ngập Kinh thành, khiến lúa má bị hư hại (2). Nhất là năm 1467, trận bão ở các phủ ven biển Nam Sách, Giáp Sơn, Thái Bình, Kiến Xương gây vỡ đê, ngập lúa má và nhiều người dân ven biển bị chết đói. Cũng trong năm này thì các huyện ở đầu nguồn và ven biển Nghệ các huyện ở đầu nguồn và ven biển Nghệ An bị thủy tai (3).

\* ThS. Viện Sử học



**Bảng 1: Thống kê về lụt lội, bão, mưa to, gió lớn thời Lê Sơ**

TT	Thời gian	Triều vua	Số lượng/năm	Mức độ	Nguồn tư liệu
		Lê Thái Tổ (1428-1433)	Không rõ		
1	1434	Lê Thái Tông (1434-1442)	1	Nước biển lên mạnh; Tháng 6, mưa, nước biển tràn ngập.	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 317; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 853.
2	1437		1	Phía Tây Nam có tiếng như sấm. Gió to, mưa lớn.	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, Sdd, tr. 342; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 884.
3	1440	Lê Nhân Tông (1443-1459)	1	Lộ Thanh Hóa lụt to; Lộ Thanh Hóa có thủy tai lớn	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 350; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 897.
4	1445		1	Tháng 4, nước lũ, tháng 10, nước lũ tràn vào trong thành; Có thủy tai lớn	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 355, 356; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 905.
5	1457		1	Gió to từ tháng 8 đến tháng 9	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 383; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 943.
6	1467	Lê Thánh Tông (1460-1497)	1	Tháng 9, bão, nước biển lên to, dề ngăn bị vỡ, lúa má bị ngập; Gió bão. Nước biển dấy dấy lên quá với mực thường	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 427; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1018.
7	1473	□	2	Tháng 4, mưa to; Mưa to luôn 3 ngày (tháng 4), mưa to (tháng 9)	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 461; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1086, 1087.
8	1475		1	Tháng 7, nước lũ, vỡ đê sông Tô Lịch; Tháng 7, có thủy tai lớn, vỡ đê Tô Lịch	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 466; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1090.
9	1478		1	Tháng 8, nước to; Tháng 8, có thủy tai lớn	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 472; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1110.
10	1483		1	Tháng 6, mưa gió to, nước lụt; Tháng 6, mưa to, gió lớn, nước sông dấy lên	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 487; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1122.
11	1491		1	Tháng 8, mưa to suốt ngày đêm không ngừng	<i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1138.
12	1496		1	Mưa to, gió lớn, nước biển dâng lên dữ dội. Tháng 8, ruộng lúa ở dân gian phần nhiều bị thối nát	<i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1146.
13	1501	Lê Hiến Tông (1498-1504)	1	Tháng 9, mưa to, nước ngập trong thành; Tháng 9, mưa to, ở kinh thành nước lên dấy rầy	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sdd, tr. 26; <i>Cương mục</i> (1998), II, sdd, tr.11.
14	1503		1	Nước to, núi Tân Viên và Tam Đảo bị lở; Tháng 5, có thủy tai lớn. Núi Tân Viên và núi Tam Đảo bị sụt lở	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sdd, tr. 34; <i>Cương mục</i> (1998), II, sdd, tr. 16.
15	1513	Lê Tông Dực (1509-1516)	1	Tháng 5, nước lũ, vỡ đê phường Yên Hoa thông vào Hồ Tây. Có thủy tai lớn	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sdd, tr; <i>Cương mục</i> (1998), II, Sdd, tr. 61.
16	1514		1	Nước lũ lớn, hồ ao trong kinh thành có rắn lớn xuất hiện; Tháng 5, có thủy tai lớn, rắn lớn xuất hiện	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, Sdd, tr. 72; <i>Cương mục</i> (1998), II, sdd, tr. 62.
17	1515		1	Tháng 8, tháng 9 nước to; Tháng 8 có thủy tai đến mãi tháng 9.	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sdd, tr. 74; <i>Cương mục</i> (1998), II, sdd, tr. 64.
18	1516		1	Tháng 3, nước to; Tháng 3, có thủy tai lớn	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sdd, tr. 74; <i>Cương mục</i> (1998), II, sdd, tr. 64.
19	1518	Lê Chiêu Tông (1516-1522)	1	Tháng 7, trời ma gió to; Tháng 7, mưa to, gió lớn	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sdd, tr. 87; <i>Cương mục</i> (1998), II, sdd, tr. 76.
20	1519		1	Tháng 5, mưa to	<i>Cương mục</i> (1998), II, sdd, tr. 81.
21	1522		1	Tháng 8, gió to 2 ngày, tháng 10, trời mưa. Tháng 10, trời mưa ra hoàng trùng	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sdd, tr. 99, 100; <i>Cương mục</i> (1998), II, sdd, tr. 89.
Tổng			29		

Nguồn: *ĐVSKTT* (1993), tập II, III, sdd; *Cương mục* (1998), tập I, II, sdd.





Không chỉ có bão, mà những trận mưa to thời Lê Sơ cũng gây thiệt hại nặng cho Kinh đô, điển hình là trận mưa to năm 1475 gây vỡ đê Tô Lịch (4), trận mưa năm 1491 khiến tường điện Kính Thiên bị đổ làm ngập Kinh thành. Về sự kiện năm 1491, sách *ĐVSKTT* chép: “Tân Hợi (1491), tháng 8, ngày 28, 29, mưa to suốt cả ngày lẫn đêm không ngớt, đổ tường điện Kính Thiên, nước dâng lên 4 tấc” (5). *Cương mục* chép rõ hơn: “Tháng 8, mùa thu. Mưa to. Lúc ấy, mưa to suốt ngày đêm không ngớt. Nước dấy lên dữ dội, điện Kính Thiên nước sâu hai thước hai tấc, ruộng bằng phẳng ở các huyện Thanh Oai và Thanh Đàm nước sâu đến 4 thước. Nhà vua hạ lệnh cho chỉ huy, hiệu úy hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô chia nhau đi khơi tháo những chỗ nước mưa làm hại thóc lúa” (6).

Tình hình lụt lội, bão, mưa to, gió lớn được thể hiện trong bảng 1.

Như vậy, đã xảy ra 29 lần mưa to, bão, gió lớn, lũ, thủy tai (theo bảng thống kê 1), trong đó, lụt và thủy tai chiếm số lần nhiều hơn. Cụ thể là 11 lần lụt, thủy tai vào các năm: 1440, 1445, 1475, 1478, 1483, 1496, 1503, 1506, 1514, 1515, 1518. Mưa to xảy ra 10 lần vào các năm: 1437, 1467, 1471, 1473, 1483, 1491, 1496. Từ bảng 1 cũng dễ nhận thấy thời gian xảy ra lụt là các tháng 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và có khi tháng 10 trong năm, tuy vậy mức độ lụt nhiều nhất vẫn là vào các tháng 6, 7, 8, 9 của một năm.

Hạn hán: Sau những năm lụt lội, thường có hạn hán xảy ra, hoặc trong một năm, hạn hán có thể xảy ra trước nạn lụt. Mức độ của hạn cũng được sử chép là xuất hiện khá liên tục. Trận hạn đầu tiên trong thời Lê Sơ là năm 1437 (thời vua Lê Thái Tông), sau đó là hai trận hạn liên tiếp vào năm 1488 và năm 1489 (thời Lê Nhân

Tông). Thời Lê Thánh Tông, hiện tượng hạn hán xảy ra nhiều hơn. Chính sử cho biết là có 12 lần hạn vào các năm: 1460, 1461, 1466, 1467, 1468, 1476, 1480, 1488, 1489, 1490, 1496, 1497. Trong số các năm đó, đại hạn vào các năm 1480, 1489 và 1497 (*xem bảng 2*).

Từ thời trị vì của vua Lê Hiến Tông đến Lê Cung Hoàng, hạn xảy ra 4 lần vào năm 1499, 1503, 1519, 1525. Trong đó, năm 1499 đại hạn nặng, vua Lê Hiến Tông phải làm lễ cầu mưa ở Thái Miếu nhưng nắng vẫn dữ (7). Năm 1503, hạn hán xảy ra 2 lần trong năm, trong đó có 1 lần đại hạn. Năm Quý Hợi (1503), tháng Giêng, mùa xuân. Hạn hán [...] Tháng 2, đại hạn (8). “Kỷ Mão (1519), đại hạn từ tháng 3 đến tháng 4 (9) và “Ất Dậu (1525), tháng 6, mùa hạ. Đại hạn (10). Năm 1512 hậu quả của hạn hán khiến nhân dân trong cả nước đói to, mặc dù sử không chép rõ mức độ hạn ra sao: “Nhâm Thân (1512), tháng 5, hạn hán, trong nước đói to” (11).

Theo bảng 2, có 26 lần hạn hán, trong đó có 10 lần đại hạn vào các năm: 1468, 1473, 1480, 1488, 1489, 1497, 1499, 1503, 1519, 1525. Đặc biệt trong 10 lần đại hạn lại có 3 năm đại hạn liên tiếp là 1480, 1488 và 1489. Còn lại, 8 lần hạn vào các năm: 1434, 1437, 1448, 1449, 1451, 1463, 1476, 1503; có 4 lần không mưa vào các năm: 1460, 1466, 1467, 1496. Đáng kể nhất là năm 1460, hạn kéo dài bốn tháng, từ tháng 2 đến tháng 6 trời không có mưa. Những năm khác khó xác định được thời gian hạn kéo dài bao lâu, chỉ biết là sử chép năm đó không có mưa. Thời gian xảy ra hạn hán thường vào các tháng 3, 4, 5, 6 hàng năm, cũng có khi vào tháng 2 hoặc tháng 7, tháng 8, tuy nhiên tần suất của hạn nhiều nhất vẫn là tháng 4 và tháng 6.



**Bảng 2: Thống kê về hạn hán thời Lê Sơ**

TT	Thời gian	Triều vua	Số lượng/năm	Mức độ	Nguồn tư liệu
1	1434	Lê Thái Tông (1434-1442)	1	Tháng 4, hạn hán.	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, Sdd, tr. 314; <i>Cương mục</i> (1998), I, Sdd, tr. 847.
2	1437		3	Tháng 3, hạn hán; Từ tháng 3 đến tháng 4 không mưa; tháng 6, hạn hán	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, Sdd, tr. 337, 338, 339; <i>Cương mục</i> (1998), I, Sdd, tr. 879, 880.
3	1448		1	Tháng 4, hạn hán	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 362; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 913.
4	1449		1	Tháng 4, hạn hán	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 370; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 925.
5	1451		1	Hạn hán	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 378.
6	1460	Lê Thánh Tông (1460-1497)	1	Từ tháng 2 đến tháng 6 không mưa	<i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 951.
7	1463		1	Tháng 7, hạn	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 399.
8	1466		1	Không mưa	<i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 993.
9	1467		1	Từ mùa thu đến mùa đông, trời đã lâu không mưa.	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 412; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 994.
10	1468		1	Tháng 4, hạn hán; Tháng 4, đại hạn	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 434; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1031.
11	1473		1	Tháng 3, hạn hán; Tháng 3, đại hạn	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 461; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1085.
12	1476		1	Tháng 4, hạn hán; Từ mùa đông năm trước đến mùa hạ năm nay, không mưa	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 467; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1091.
13	1480		1	Tháng 6, hạn; Đại hạn	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 480; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1114.
14	1488		1	Tháng 7, đại hạn	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 503; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1131.
15	1489		1	Tháng 5, đại hạn	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 506; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1135.
16	1496		1	Trời không mưa	<i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1144.
17	1497		1	Đại hạn	<i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1148.
18	1499	Lê Hiến Tông (1498-1504)	1	Tháng 5, đại hạn; Hạn hán	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sdd, tr. 14; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 1159.
19	1503		2	Hạn hán (Tháng Giêng); Đại hạn (Tháng 2)	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sdd, tr. 14; <i>Cương mục</i> (1998), II, sdd, tr. 15.
20	1512	Lê Tương Dực (1509-1516)	1	Hạn hán, trong nước đói to; Hạn hán, dân bị nạn đói to.	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sdd, tr. 64; <i>Cương mục</i> (1998), II, sdd, tr. 56.
21	1519	Lê Chiêu Tông (1516-1522)	1	Từ tháng 2 đến tháng 4, trời nắng dữ; Đại hạn từ tháng 3 đến tháng 4.	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sdd, tr. 92; <i>Cương mục</i> (1998), II, sdd, tr. 81.
22	1525	Lê Cung Hoàng (1522-1527)	1	Tháng 6, đại hạn	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sdd, tr. 103; <i>Cương mục</i> (1998), II, sdd, tr. 93.
<b>Tổng</b>			<b>26</b>		

Nguồn: *ĐVSKTT* (1993), tập II, III, sdd; *Cương mục* (1998), tập I, II, sdd.



Ngoài hiện tượng lụt, hạn hán, các thiên tai khác như động đất, hỏa hoạn, mưa đá, sét đánh, sâu bọ,... và những bất thường của tự nhiên cũng xảy ra dưới thời Lê Sơ. Theo ghi chép trong *ĐVSKTT* và *Cương mục* thì có 8 lần động đất trong thời Lê Sơ: 1435, 1443 (2 lần, tháng 2 và tháng 5), 1444, 1461, 1463, 1525 (2 lần). Trong thời Lê Sơ có 5 lần sét đánh xuất hiện vào các năm 1435, 1449, 1461, 1518 và 1525. Đặc biệt năm 1518, bên cạnh có thủy tai lớn thì hiện tượng sét đánh xảy ra đồng thời: "Mậu Dần (1518), tháng 7, mưa to, gió lớn, sét đánh, nhiều người bị chết" (12). Có 4 lần hỏa hoạn vào các năm 1434 (2 lần), 1472 và 1503; 3 lần mưa đá (1448, 1451, 1480).

hoàng trùng. Phương Đông có khí đỏ vàng che cả góc trời" (14). Năm Quý Mùi (1523), tháng 8, có sâu lúa (15).

Sự bất thường của khí hậu do ảnh hưởng của thời tiết khiến cho có lúc xuất hiện sương mù đầy trời, đặc biệt có lúc quá lạnh khiến mặt nước đóng băng khiến cây cối chết hết. *ĐVSKTT* chép năm Giáp Dần (1434): "ngày 24, giờ Thìn, có khí xanh đỏ như hình cầu vồng nhưng ngắn hơn, xuất hiện ở phương Đông Bắc. Trời có sương nhẹ. Ngày mồng 10, có mù đầy trời. Nước biển lên mạnh" (18). *Cương mục* cũng chép năm này có băng: "Tháng 11, có băng. Rét quá, mặt đất đóng băng, cây cối trên núi héo chết" (19).

**Bảng 3: Thống kê về động đất thời Lê Sơ**

TT	Thời gian	Triều vua	Số lần/năm	Địa điểm	Nguồn tư liệu
1	1435	Lê Thái Tông (1434-1433)	1	Kinh sư và các huyện lân cận; Kinh đô động đất	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sđd, tr. 333; <i>Cương mục</i> (1998), I, sđd, tr. 873.
2	1443	Lê Nhân Tông (1443-1459)	2	Không rõ	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sđd, tr. 354; <i>Cương mục</i> (1998), I, sđd, tr. 902.
3	1444		1	Không rõ	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sđd, tr. 355; <i>Cương mục</i> (1998), I, sđd, tr. 904.
4	1461	Lê Thánh Tông (1460-1497)	1	Không rõ	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sđd, tr. 393; <i>Cương mục</i> (1998), I, sđd, tr. 961.
5	1463		1	Không rõ	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sđd, tr. 399; <i>Cương mục</i> (1998), I, Sđd, tr. 970.
6	1525	Lê Cung Hoàng (1522-1527)	2	Không rõ	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sđd, tr. 103.
<b>Tổng</b>			<b>8</b>		

Nguồn: *ĐVSKTT* (1993), tập II, III, sđd; *Cương mục* (1998), tập I, II, sđd.

Bên cạnh đó còn có nạn sâu bọ hoành hành, gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp của Đại Việt bấy giờ. Theo ghi chép trong *ĐVSKTT* thì: "Năm Ất Mão (1435), tháng 8, ngày 11, có sâu hại lúa" (13). Nạn hoàng trùng phát sinh vào năm 1467. Đặc biệt, dưới thời Lê Chiêu Tông và Lê Cung Hoàng, hiện tượng sâu bọ kéo dài liên tiếp trong hai năm 1522 và 1523. Năm Nhâm Ngọ (1522): "tháng 10, trời mưa ra

Bảng 3 và bảng 4 là tổng hợp về hiện tượng động đất và sét đánh thời Lê Sơ:

Theo bảng 3 thì động đất xảy ra với số lần nhiều nhất dưới thời vua Lê Nhân Tông và Lê Cung Hoàng. Những nơi xảy ra động đất được chính sử chép rõ là ở Kinh thành vào năm 1435, còn lại không rõ ở địa phương nào. Trong khi động đất thời Lý là 24 lần, thời Trần là 10 lần, thời Lê Sơ chỉ có 8 lần. Như vậy, động đất thời Lê Sơ xảy ra ít hơn so với thời Lý, Trần.



Bảng 4: Thống kê về sét đánh thời Lê Sơ

TT	Thời gian	Triều vua	Số lần/năm	Địa điểm	Nguồn tư liệu
1	1435	Lê Thái Tông (1434-1433)	1	Không rõ	<i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 900.
2	1449	Lê Nhân Tông (1443-1459)	1	Không rõ	<i>ĐVSKTT</i> (1993), II, sdd, tr. 354; <i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 902.
3	1461	Lê Thánh Tông (1460-1497)	1	Cửa Thừa Thiên	<i>Cương mục</i> (1998), I, sdd, tr. 994.
4	1518	Lê Chiêu Tông (1516-1522)	1	Không rõ	<i>Cương mục</i> (1998), II, sdd, tr. 76.
5	1525	Lê Cung Hoàng (1522-1527)	1	Không rõ	<i>ĐVSKTT</i> (1993), III, sdd, tr. 105.
<b>Tổng</b>			<b>5</b>		

Nguồn: *ĐVSKTT* (1993), tập II, III, sdd; *Cương mục* (1998), tập I, II, sdd.

Từ thống kê ở các bảng 3 có thể thấy, lụt lội và hạn hán xảy ra nhiều hơn cả trong các thiên tai thời kỳ này. Tình hình thiên tai xảy ra như vậy có tác động mạnh đến kinh tế, xã hội và cũng gián tiếp tác động đến việc quản lý triều đình của nhà Lê Sơ.

Trong việc quản lý triều chính, vua Lê nhận thấy cần phải tự kiểm điểm những việc làm của bản thân và tu sửa đạo đức. Ở một chừng mực nhất định, những việc làm đó đã nêu cao trách nhiệm của nhà vua đối với bản thân và xã tắc. Năm 1438, vua Lê Thái Tông xuống chiếu tự trách mình, đại xá cho thiên hạ và yêu cầu trăm quan bày tỏ thẳng thắn ý kiến thiếu sót trong chính sự. Điều này có thể cảm được lòng trời, nhờ vậy mà ngừng tai biến: "Vậy nay đại xá cho thiên hạ. Trăm quan văn võ các người ai nấy đều nên điều trần bày tỏ những điều thiếu sót lầm lỗi trong mọi chính sự, cứ nói thẳng, đừng giấu diếm..." (20).

Không chỉ có nhà vua, các đại thần trong triều đình khi xét thấy mấy năm liên xảy ra hạn hán, lương bổng không đủ cấp cho vệ sĩ, đã tâu bày việc nên giảm bớt số lượng ở các vệ quân. Thế theo yêu cầu này, vua Lê đã chấp thuận: "Các quân ngự tiền mỗi quân nguyên trước có 8 viên, nay chỉ giữ lại 2 viên. Năm quân Thiết đột, mỗi

quân nguyên trước có 4 viên, nay chỉ giữ lại 2 viên. Trước đây, cấp lương hàng năm bằng tiền, sau bắt quân lính phải nộp để thế tiền lương năm trước" (21).

Đói kém, mất mùa, giá gạo tăng là một thực trạng thời Lê Sơ được chính sử chép rất rõ ràng. Trận đại hạn năm 1467 khiến giá gạo ở Thăng Long tăng vọt, nhà vua vừa phải giảm tô ruộng và thuế nhân đinh, vừa hạ lệnh cho viên Thừa chính sứ ở Nghệ An trích tiền trong kho mua thóc ở Nghệ An nộp về kinh sư" (22). Hai năm 1492, 1493, người dân lâm vào cảnh đói lớn, có nơi phải ăn củ nâu" (23). Đặc biệt, liên tục trong 3 năm 1496, 1497, 1498, dân nhiều nơi bị đói vì "ruộng lúa dân gian phần nhiều thối nát" (24). Nạn đói vẫn kéo dài trong các năm 1501, 1503. Sử chép trận lụt năm 1516 để lại hậu quả nặng nề là cảnh đói lớn, xác người chết nằm gối lên nhau vào năm 1517 (25). Càng về những thập niên cuối thời Lê Sơ, từ vua Lê Hiến Tông đến Lê Uy Mục, hiện tượng dân chết đói đã ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế và tình hình chính trị của đất nước.

Nhiều năm nạn đói xảy ra đã dẫn đến trộm cướp và nổi loạn (thời vua Lê Hiến Tông và Lê Cung Hoàng). Năm 1498, trộm cướp ở Nghệ An, Thuận Hóa khiến "quân



bên cạnh đánh dẹp không yên ổn. Vua ra sắc lệnh cho quan có trách nhiệm, triệt bỏ hết toán lính đi tiểu bắt, chiêu an phủ dụ cho chúng ra thú tội trở lại nghề nghiệp cũ" (26). Năm 1514, Đặng Hân và Lê Hất ở Thanh Hóa nổi dậy chống lại triều đình: "Đặng Hân và Lê Hất ở Thanh Hoa nổi loạn. Nhà vua sai quân đi đánh, dẹp yên được" (27).

Như vậy, nạn lụt, hạn hán cùng với những thiên tai khác trong thời Lê Sơ đã trực tiếp tác động đến sản xuất. Thực tế đó đã đặt ra yêu cầu cho nhà nước quân chủ phải có những chính sách và biện pháp phù hợp nhằm ổn định xã hội, an dân và giảm thiểu tác hại của thiên tai.

## **2. Biện pháp phòng chống, khắc phục của vương triều Lê Sơ**

### *Thực hiện chẩn cấp, ân xá cho dân*

Những ghi chép trong chính sử về thời Lê Sơ cho biết những năm xảy ra thiên tai, nhà vua xuống chiếu tự răn mình, sửa đạo đức, họp với quần thần nhằm đưa ra biện pháp khắc phục. Sử cũng chép về việc triều Lê đều chẩn cấp, ân xá, giảm thuế cho dân. Có thể coi đây là biện pháp kịp thời nhất mà chính quyền thực hiện để khắc phục thiên tai.

Năm 1434, do hạn hán kéo dài, vua Lê Thái Tông cho tha bớt tù nhân: "Thả vài chục tên tù tội nhẹ vì hạn hán đã lâu" (28). Hai năm 1436 và 1437, vua Lê tiếp tục ân xá cho dân. Đặc biệt, vì có nạn sâu bệnh, hạn hán năm 1488 tại các trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Gia Hưng, nên vua Lê Nhân Tông đã phát thóc cho dân vay, đợi khi được mùa thì trả lại cho nhà nước" (29).

Sự kiện xảy ra vào tháng 4 năm Tân Mùi (1451) cho thấy, càng có nhiều tai biến thiên nhiên thì nhà vua càng khoan tha rộng, không chỉ tha thuế mà còn cho phép

những người trốn đi lính, dân chúng trốn tránh cho ra đầu thú, những án kiện tồn đọng lâu năm thì cho tìm nguyên do (30). Năm 1467, vua Lê Thánh Tông đại xá, giảm tô ruộng và tha thuế nhân đinh theo thứ bậc. Một mặt nhà vua trích tiền trong kho mua thóc ở Nghệ An chở về Kinh thành, mặt khác cấp thuốc điều trị dịch bệnh cho dân ở Quốc Oai và Tam Đái" (31). Năm 1490, dân ở Đông Đạo bị đói cũng được triều đình cấp thóc cho vay. Ngoài ra vua Lê còn ban lệnh đại xá 45 điều, vì "năm này gạo kém, 1 tiền chỉ đong được 2 thưng gạo" (32). Năm 1497, dân Nghệ An được cho vay thóc vì ảnh hưởng của đại hạn.

Các đời vua sau, từ Lê Uy Mục đến Lê Cung Hoàng không thấy sử chép việc chẩn cấp, ân xá cho dân khi xảy ra hạn hán, mưa to, gió lớn. Tuy vậy, những tù phạm được triều đình ân xá đã tham gia sản xuất hoặc khai hoang vùng đất mới, khai kênh, đắp đê để phòng hạn và lũ lụt. Trên thực tế, biện pháp ân xá của triều đình Lê Sơ đã có tác động gián tiếp đến việc khắc phục hậu quả của thiên tai.

Giảm thuế cũng là biện pháp hỗ trợ của Nhà nước Lê Sơ đối với người dân trong những năm có thiên tai. Năm 1435, vì động đất và sét đánh ở Kinh đô, vua Lê Thái Tông giảm thuế cho dân và những người quan, quả. Năm 1445, vua Lê Nhân Tông xuống chiếu giảm thuế cho dân. Đặc biệt năm 1499, do hạn hán xảy ra trên cả nước, nên vua Lê Nhân Tông không chỉ đại xá cho thiên hạ mà còn giảm nhẹ thuế đầm (33). Các năm 1451, 1452, và 1498 vua Lê đều cho giảm thuế cho các tầng lớp nhân dân do hạn hán ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Mặc dù không biết cụ thể là giảm với số lượng bao nhiêu, nhưng biện pháp này cho thấy triều Lê Sơ đặc biệt quan tâm đến đời sống nhân dân.



*Xây dựng và tu bổ đê điều*

Bên cạnh việc chấn cấp, ân xá, giảm thuế cho dân, thì việc xây dựng, tu bổ đê điều của triều Lê Sơ cũng là một biện pháp quan trọng nhằm phòng chống, khắc phục thiên tai. Trước hết, nhà nước đặt hẳn chức quan trông coi đê điều, điều lệ về đê điều được quy định rõ trong luật pháp. Những điều luật về đê điều được cụ thể hóa bằng điều 85, 86 trong bộ *Luật Hồng Đức*. Theo đó, những người canh, sửa đê nếu không làm hết trách nhiệm để vỡ đê, sẽ bị biếm hoặc bãi chức. Chức quan Hà đê và Khuyến nông được vua Lê lập năm 1475 có trách nhiệm theo dõi, chăm sóc đê và sản xuất nông nghiệp ở làng xã.

Những năm xảy ra mưa, lụt, triều đình đã kịp thời cho sửa chữa đê, đặc biệt là đê biển. Năm 1467, vua Lê Thánh Tông đã cho sửa lại những đoạn đê vỡ lở ở Nam Sách, Thái Bình và Kiến Xương. Năm 1472, đê biển Hồng Đức với chiều dài 25 km được đắp từ phía Bắc sông Thần Phù đến bờ Nam sông Càn, từ xã Côi Trì, huyện Yên Mô đến xã Bồng Hải, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình nhằm ngăn mặn và có tầm quan trọng về trị thủy.

Ngoài những đê sông lớn, các đê sông nhỏ cũng được nhà nước phân cấp, xây dựng và quản lý. Trong đó, triều Lê Sơ đã đắp đê sông trên một số sông nhánh. Năm 1503, vua Lê Hiến Tông đã cho đào đắp đê sông Tô Lịch. Đê Chân Kim, được nhân dân các phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Kinh Môn, Nam Sách, Thái Bình đắp vào năm 1526. Không những thế, khi có thiên tai, triều đình đã huy động nhân dân tu bổ đê điều. Nhà nước còn thả bớt tù phạm vào những năm hạn hán, lụt lội nhằm tăng thêm quân số cho việc đắp đê. Nhờ biện pháp bồi đắp đê điều, mà những năm từ

thời vua Lê Hiến Tông trở đi, nạn lụt lội đã được hạn chế đáng kể.

Cùng với việc phụ trách và chăm lo đê điều, triều Lê Sơ còn tiến hành đào sông nhằm tiêu nước, chống hạn. Sử chép vào năm 1438, vua Lê cho khai kênh ở Thanh Hóa, công việc này được tiếp tục vào năm 1445. Đặc biệt, trong Dụ của vua Lê năm 1467 có đề cập đến việc khai mương, đắp đập: "Sắc cho Hộ bộ khai mương, đắp đập, không được để đồng ruộng úng ngập hay khô cạn. Sai Hộ bộ gửi công văn cho thừa tuyên các xứ xét xem có ty Khuyến nông và Hà đê xứ nào để lúa má úng ngập và còn ruộng bỏ hoang thì tâu lên" (34). Kênh ở Thanh Hóa lại được khơi đào vào năm này. Việc khai hoặc lấp các đường nước ở ruộng nhằm chống úng ngập hay khô hạn cũng được vua Lê ra lệnh cho bộ Hộ thực hiện vào năm 1486. Dưới thời Lê Hiến Tông, vào năm 1503, ông đã khuyến khích nông dân làm thêm xe tưới nước để chống hạn. Có thể thấy, việc khai kênh, đào mương, nạo vét sông ngòi, làm xe tưới nước cũng là một trong những biện pháp tích cực chống hạn của triều đình và nhân dân.

*Thực hiện cầu đảo, cầu mưa, cầu tạnh*

Một trong những biện pháp mang tính tâm linh, thể hiện tinh thần "thiên nhân hợp nhất" của các vua triều Lê Sơ đó là cầu đảo. Triều Lê Sơ cũng như Lý, Trần trước đó đều có ảnh hưởng và duy trì lý thuyết tam tài. Đó là lý thuyết bao gồm ba yếu tố: thiên, địa, nhân. Thiên, là trời, hay khoảng không vũ trụ ngoài trái đất. Địa là môi trường tự nhiên trên bề mặt trái đất tác động đến con người và Nhân là phản ánh chủ thể con người với các mối quan hệ xã hội. Trong đó Nhân thể hiện ở lối sống của mỗi người gồm thiện-ác, nhân nghĩa-cường bạo, chân thành-dối trá,... chính yếu tố



Bảng 5: Thống kê về số lần cầu đảo, cầu mưa, cầu tạnh thời Lê Sơ

TT	Thời gian	Triều vua	Triều đình	Vua tự thân cầu đảo	Địa điểm
1	1434	Lê Thái Tông (1434-1442)		1 lần	Đông Đô
2	4/1437			1 lần	Hạ lệnh cho các lộ, huyện trong nước làm lễ cầu mưa
3	6/1437			1 lần	đền Chí Linh, Hoàng Hựu
4	1448	Lê Nhân Tông (1443-1459)		1 lần	Cung Cảnh Linh, chùa Báo Ân
5	1449	Lê Thánh Tông (1460-1497)		1 lần	Không rõ
6	1466		1 lần		Không rõ
7	1467		1 lần		Đền Chí Linh, Hoàng Hựu
8	1473		1 lần	1 lần	Nhà Thái Miếu
9	1476			1 lần	Không rõ
10	1496			1 lần	Trên tường đền thờ thần
11	1499	Lê Hiến Tông (1498-1504)		1 lần	nhà Thái Miếu
12	1522	Lê Chiêu Tông (1519-1522)		1 lần	Không rõ
<b>Tổng</b>			<b>3</b>	<b>10</b>	

Nguồn: ĐVSKTT (1993), tập II, III, sdd; Cương mục (1998), I, II, sdd.

Nhân này, theo quan điểm của Nho giáo là phải hợp nhất với thiên và địa, 3 yếu tố hài hòa thì mọi thứ mới ổn định, phát triển. Đặc biệt, quan niệm của Nho giáo đề cao Thiên- Nhân, tức là mối quan hệ giữa trời và người. "Thiên nhân hợp nhất"- Quan niệm này khẳng định giữa con người và tự nhiên có mối quan hệ hài hòa, thống nhất. Vậy khi, con người sống không đủ nhân, hoặc đức ít, làm trái điều gì đó với tự nhiên, sẽ bị tự nhiên phản ứng lại bằng cách giáng tai họa.

Các vua triều Lê Sơ nhận thức sâu sắc quan điểm của thuyết thiên nhân cảm ứng, thiên nhân hợp nhất, nên hễ khi trời có tai biến, các vua Lê cho rằng đó là do yếu tố "nhân" của mình chưa đầy đủ, hay đã làm điều gì sai nên mới xảy ra như vậy. Vì thế, các vua đã nhiều lần xuống chiếu tự răn, sửa mình, đồng thời tự thân tế lễ, cầu đảo nhằm an dân.

Sử chép là vua Lê Thái Tông đã cầu mưa hai lần vào năm 1434 và 1437. Dưới thời Lê Nhân Tông, vua cũng nhiều lần đi

cầu mưa. Đáng chú ý là năm 1448, do hạn nặng, vua đã tự mình đi cầu trời: "Nhà vua đem trăm quan đến cung Cảnh Linh và chùa Báo Ân, làm lễ đảo vũ. Rồi rước tượng phật Pháp Vân đến chùa Báo Thiên, hạ lệnh cho sư tụng kinh cầu đảo" (35). Năm 1449, vua Lê Nhân Tông tiếp tục đến cung Cảnh Linh cầu mưa và hạ lệnh lập đàn thờ thần Đô đại thành hoàng, đàn thờ thần Gió, Mây, Sấm, Mưa và đàn thờ mưa quý không ai tế tự (36).

Triều đình cũng góp sức vào việc cầu đảo cùng với nhà vua nhưng chủ yếu vẫn là vua Lê đứng ra chủ trì. Cụ thể là hai năm 1466 và 1467, vừa hạn hán, vừa có nạn sâu lúa, vua Lê Thánh Tông ra lệnh cho đạo sĩ cúng trừ: "Sai đạo sĩ cúng trừ sâu lúa. Sai các Thượng thư Lại bộ và Lễ Bộ là bọn Nguyễn Như Đổ đi tế các thần để trừ sâu lúa" (37).

Năm 1468, vì hạn hán nên vua Lê đã: "Định nghị chú lễ cầu mưa, cầu nắng" (38). Về sau, nhiều lần cầu đảo đã ứng nghiệm, càng khuyến khích nhà vua thực hiện biện



pháp này. Tháng 3 năm 1473, vua Lê Thánh Tông làm lễ cầu mưa liền có kết quả: “Lúc ấy trời đại hạn, nhà vua thân hành cầu đảo ở nhà Thái Miếu, lại sai quan đi cầu đảo khắp các đền thờ thần. Ngày hôm sau mưa” (39). Năm 1499, vua Lê Hiến Tông đã cầu mưa ở nhà Thái Miếu và năm 1522, vua Lê Chiêu Tông đã tự thân làm lễ cầu trời.

Như vậy, dưới thời Lê Sơ đã có 13 lần cầu đảo, trong đó có 3 lần do triều đình trực tiếp đứng ra tổ chức và 10 lần các vua Lê tự thân làm lễ cầu. Biện pháp cầu đảo, nói chung là để giải quyết vấn đề tâm linh, có thể mang lại những hiệu quả trong việc an tâm.

Tự trung lại, chấn cấp, ân xá, giảm thuế và cầu đảo là những biện pháp có tính chất cấp thiết, nhằm khắc phục tình trạng thiệt hại do thiên tai gây ra, trong khi xây dựng và tu bổ đê điều là biện pháp mang tính lâu dài, nhằm phòng chống thiên tai. Dù là biện pháp cấp thiết hay lâu dài thì nó cũng cho thấy triều đình Lê Sơ đặc biệt kịp thời trong việc giải quyết những ảnh hưởng của thiên tai.

### 3. Nhận xét

Dưới thời Lê Sơ, thiên tai nghiêm trọng nhất là nạn lụt lội và hạn hán, xảy ra khác nhau ở các vùng miền khác nhau và không theo chu kỳ. Nếu như nạn lụt xảy ra thường xuyên ở Kinh thành, rải rác ở Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, thì tình hình hạn hán của các địa phương không được chép rõ. Nạn lụt thường xuất hiện vào các tháng 5, 7, 8, 9 trong năm, trong khi hạn hán thường vào tháng 4, 5, 6 và có khi sớm hơn vào tháng 3. Lụt lội đã gây thiệt hại nặng đến sản xuất, đời sống người dân. Nạn lụt dẫn đến vỡ đê, không chỉ khu vực

Kinh thành mà các huyện ven biển, đồng bằng cũng đều bị ngập úng. Sau những năm lụt thì mất mùa, đói kém xảy ra và người nông dân cần phải có thời gian để phục hồi lại đồng ruộng và sức sản xuất nông nghiệp.

Biện pháp phòng chống, khắc phục thiên tai đã cho thấy nhà nước Lê Sơ tỏ rõ vai trò quan trọng của mình trong công tác trị thủy, thủy lợi, trong sản xuất nông nghiệp. Hiệu quả của biện pháp trị thủy thời Lê Sơ là đã có một hệ thống sông đào đảm bảo cho việc tưới nước trong mùa hạn và tiêu nước trong mùa lũ. Do vậy, từ các đời vua về sau, nạn lụt có xảy ra nhưng mức độ không nghiêm trọng như những đời vua đầu trị vì. Đê Hồng Đức và đê Chân Kim được triều Lê Sơ xây dựng là cơ sở quan trọng cho các đời vua sau tiếp tục củng cố.

Trong việc phòng chống các loại sâu bọ, dịch bệnh, hỏa hoạn... còn cho thấy sự quan tâm của triều đình đến các tầng lớp nhân dân, kịp thời chấn cấp, hạ lệnh cho quan sở tại phụ trách địa phương đó khắc phục. Đặc biệt, nhà vua nhiều lần tự mình cầu đảo, tu sửa bản thân, xuống chiếu cầu lời nói thẳng nhằm hạn chế thiên tai đã thể hiện sự quan tâm, lo lắng cho dân. Tính tích cực của chính sách xã hội thời Lê Sơ có lẽ thể hiện rõ nhất trong việc chấn cấp, ân xá và giảm tô thuế mà nhất là giảm nhẹ thuế đối với người nông dân. Chính sách an dân như trên đã góp phần ổn định xã hội, phục hồi sức sản xuất nông nghiệp, nhanh chóng khắc phục hậu quả của thiên tai.

Bên cạnh những ưu điểm trong việc phòng chống, khắc phục thiên tai kể trên, thì nhà nước Lê Sơ cũng bộc lộ một vài hạn chế nhất định. Về cuối các đời vua như Lê



Tương Dục, Lê Uy Mục, do sự thiếu quan tâm của triều đình, nên việc quản lý đê điều và các công trình thủy lợi không được chặt chẽ như trước. Tuy nhiên, xét trong bối cảnh Đại Việt luôn bị ảnh hưởng của

thiên tai, thì có thể khẳng định biện pháp của triều đình Lê Sơ so với trước và sau đó khá hiệu quả, những thiệt hại do thiên tai gây ra được giảm thiểu, hoạt động sản xuất nông nghiệp được đảm bảo.

### CHÚ THÍCH

(1). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 71.

(2), (4), (6). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 93, 1090, 1138.

(3), (5), (7), (8). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 427, 509, 14, 31-33.

(9). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 81.

(10), (11). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr.93, 64.

(12). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 76.

(13), (15), (16), (17). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr.330, 103, 328, 414.

(14). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 81, 76, 89.

(18). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 316-617.

(19), (20). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.860, 921.

(21). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, sdd, tr. 360- 361.

(22), (24). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 1048, 1146.

(23). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, sdd, tr. 511.

(25), (26). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập III, sdd, tr. 86, 9.

(27). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, sdd, tr. 64. Thanh Hoa là Thanh Hóa hiện nay.

(28), (29), (30). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, sdd, tr. 314, 362, 378.

(31). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, sdd, tr. 1029, 1048.

(32). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, sdd, tr. 507.

(33). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, sdd, tr. 959.

(34). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, sdd, tr. 426.

(35), (39). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, sdd, tr. 944, 1124.

(36), (37), (38). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, sdd, tr. 426, 371, 427, 434.